

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS- ST

Ngày: 27/6/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quách Hà Vĩnh
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.***

Ngày 27/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST- DS, ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1975

Địa chỉ: Đội 1, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn:*

- Bà Nguyễn Thị M; sinh năm: 1969

- Ông Bùi Văn N; sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Trong khoảng thời gian từ ngày 03/02/2021 đến ngày 23/12/2021 bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn N có vay của chị 05 lần tiền tổng cộng số tiền vay là 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng). Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ mỗi lần vay là 10 ngày hoặc 1 tháng. Tuy nhiên khi

hết hạn tất cả các khoản vay nhưng bà M và ông N vẫn không trả tiền cho chị. Tiếp sau đó chị đến đòi nhiều lần nhưng bà M và ông N vẫn cố tình không trả cho chị đồng nào. Sau đó bà M và ông N trốn tránh chị không chịu trả nợ. Đến nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M và ông N phải trả cho chị tổng số tiền gốc đã vay là 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng), chị không yêu cầu trả tiền lãi số tiền gốc đã vay.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà thừa nhận có vay của chị H nhiều lần tiền với tổng số tiền là 960.000.000đ. Mục đích vay tiền của bà là để buôn bán, và đầu tư vào trồng trọt nhưng bị thua lỗ. Sau đó, bà đi vay mượn để lấy chỗ nợ để trả cho chỗ khác. Đến nay bà xác định đã trả cả gốc và lãi hàng tháng với tổng số tiền là 900.000.000đ, nhưng bà không xác định được cụ thể tiền gốc đã trả là bao nhiêu, tiền lãi đã trả là bao nhiêu. Những lần bà trả tiền, chị H không ký nhận mà bà chỉ ghi vào sổ tay của mình để theo dõi. Đến nay, chị H yêu cầu bà phải trả số tiền là 960.000.000đ, do điều kiện kinh tế gia đình đang rất khó khăn nên bà chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 300.000.000 đồng tiền gốc. Về thời gian trả nợ, bà cũng chưa xác định được khi nào mới có điều kiện trả nợ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Văn N trình bày:

Ông thừa nhận ông đi cùng bà M vay tiền của chị H và có ký vào các giấy vay nợ ngày 23/12/2021; 08/10/2021 và ngày 03/02/2021 còn những khoản vay khác do bà M tự ký ông không được biết. Ông biết việc bà M vay tiền của chị H, tuy nhiên việc bà M đứng ra vay tiền của chị H ông không được trực tiếp sử dụng số tiền trên nên ông không đồng ý cùng bà M trả nợ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị H và bà M, ông N đang tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” do bà M và ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông N và bà M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Phố, xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2]. Việc bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn N vay tiền của chị Nguyễn Thị H, tổng số tiền là 960.000.000đ (Chín trăm sáu mươi triệu đồng) được thể hiện trong giấy vay tiền mà chị H giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền ghi rõ số tiền vay, ngày vay tiền, ngày trả nợ và có chữ ký (ghi rõ họ tên) của người vay là bà M, ông N. Việc này, bản thân bà M, ông N cũng thừa nhận. Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp.

[3]. Trong các giấy vay tiền hai bên thống nhất với nhau thời hạn vay của từng khoản vay là 10 ngày hoặc 01 tháng kể từ ngày vay, đến nay thời hạn trả nợ đã hết, chị H khởi kiện yêu cầu bà M và ông N phải trả số tiền gốc là 960.000.000đ. Bà M cho rằng đã trả được cả tiền gốc và tiền lãi số tiền 900.000.000 đồng, nhưng bà M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Ông N không đồng ý cùng bà M trả nợ, nhưng ông N thừa nhận cùng bà M ký vào 03 giấy vay tiền và biết bà M vay tiền của chị H để làm kinh tế gia đình. Do đó yêu cầu của chị H là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị H. Buộc bà M và ông N phải có trách nhiệm trả cho chị H tổng số tiền gốc 960.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của chị H được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bà M và ông N phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn N phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng)

Kể từ khi Nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng bà M và ông N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn N phải chịu 40.800.000đ (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 20.400.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0007619 ngày 29/4/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Văn Hải**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Đinh Văn Tân**

**Nguyễn Thị Hà**

**Bùi Văn Hải**